

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /2007/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai
giai đoạn 2006 – 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND;

Căn cứ quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 01/2005/TT-BKHĐT ngày 09/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII ngày 23/12/2005;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 170/TTr-TNMT ngày 27/3/2007 về việc phê duyệt Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2010.

Điều 2. Giao trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí đảm bảo cho việc

thực hiện Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2010 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi chung việc triển khai Chương trình này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các Sở, ngành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ TNMT, Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Chánh-Phó VP UBT;
- Lưu: VT, TH, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ao Văn Thịnh

Biên Hòa, ngày tháng 4 năm 2007

**CHƯƠNG TRÌNH
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2007/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII, UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng chương trình bảo vệ môi trường giai đoạn 2006 -2010 nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

**Phần I
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG
VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005**

Trong 5 năm qua, kinh tế trên địa bàn tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, trong đó công nghiệp có mức tăng trưởng hàng năm rất cao. Trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển công nghiệp và đô thị, cùng với việc tăng dân số cơ học nhanh, đã phát sinh những tác động xấu đối với môi trường. Mặc dù công tác bảo vệ môi trường ở Đồng Nai trong những năm qua đã có một số chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung môi trường vẫn tiếp tục bị ô nhiễm, suy thoái; ở một số nơi ô nhiễm môi trường đang trở thành vấn đề bức xúc, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

I. Hiện trạng môi trường.

Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã chuyển 14.983 ha đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp sang sử dụng vào mục đích khác, làm cho diện tích đất canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp bị giảm sút về số lượng. Tình trạng đất đai bị xói mòn, rửa trôi, khô hạn, mất chất hữu cơ, mất cân bằng dinh dưỡng... ở một số vùng vẫn chưa khắc phục có hiệu quả. Việc lạm dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học, thuốc kích thích sinh trưởng trong nông nghiệp làm cho một số diện tích đất canh tác bị suy thoái.

Chất lượng các nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh nhìn chung còn khá tốt, các thông số phân tích chất lượng nước của các sông, hồ đa số nằm trong tiêu chuẩn môi trường cho phép. Tuy nhiên, trong những năm qua lượng nước thải

công nghiệp và sinh hoạt thải ra môi trường ngày càng lớn, đặc biệt là nước thải sinh hoạt tại thành phố Biên Hòa và nước thải công nghiệp tại các cơ sở sản xuất công nghiệp trong tỉnh (hiện nay lượng xả thải trung bình của các khu công nghiệp tập trung ước tính trên 60.000m³/ngày đêm) nhưng phần lớn chưa được xử lý đúng quy định, làm ảnh hưởng cục bộ đến chất lượng nhiều nguồn nước trong tỉnh, đặc biệt là chất lượng nước của sông Đồng Nai, sông Thị Vải và một số hồ, đập, suối trong tỉnh (suối Linh, suối Săn Máu, Suối bà Lúa,...). Nước ngầm ở một số vùng có nguy cơ cạn kiệt vào mùa khô do khai thác quá mức.

Hiện nay, chất lượng không khí tại hầu hết các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép, ngoại trừ chỉ tiêu bụi lơ lửng thường không đạt tiêu chuẩn theo quy định. Riêng đối với các cơ sở sản xuất như chế biến gỗ, dệt, sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, hầu hết chưa đầu tư hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn nên thường xuyên gây ô nhiễm môi trường lao động. Đối với chất lượng không khí tại các đô thị và những nơi đông dân cư (thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh,...) đang có dấu hiệu ô nhiễm nhẹ, trong đó thông số vượt tiêu chuẩn cho phép chủ yếu là bụi lơ lửng và tiếng ồn, đặc biệt ở các giao lộ có mật độ giao thông cao. Hoạt động khai thác khoáng sản như sét gạch ngói, đất, cát, đá xây dựng cũng góp phần gây ô nhiễm đáng kể tại một số khu vực, thể hiện qua các thông số ồn, chấn động rung và bụi do quá trình bắn nổ mìn, chế biến đá và vận chuyển vật liệu xây dựng.

Tình hình ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp đang diễn ra khá phức tạp. Khối lượng chất thải rắn phát sinh ngày càng lớn (năm 2005, ước tính phát sinh chất thải rắn trong toàn tỉnh khoảng 480.000 tấn, tăng gần 5 lần so với năm 2001), trong đó có khoảng 140.000 tấn chất thải công nghiệp không nguy hại và 20.000 tấn chất thải rắn công nghiệp nguy hại chưa được thu gom, xử lý triệt để. Chất thải y tế chỉ thu gom, xử lý khoảng 65 - 70%, chủ yếu là tại các bệnh viện.

Bên cạnh đó, tài nguyên khoáng sản (sét, cát, đá,...) đang bị khai thác, sử dụng không hợp lý, có xu hướng cạn kiệt dần. Tình trạng buôn bán trái phép động thực vật quý hiếm, sử dụng các biện pháp khai thác có tính hủy diệt và gia tăng ô nhiễm môi trường, góp phần làm suy giảm đa dạng sinh học. Đáng chú ý là những năm gần đây đã xảy ra một số vụ sự cố tràn dầu trên sông Đồng Nai, tuy chưa gây ra những thiệt hại đáng kể nhưng tiềm ẩn những nguy cơ sự cố về môi trường.

II. Tình hình quản lý về môi trường.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 12/12/2005, Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, trong 5 năm qua (2001 - 2005) UBND tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo

các cấp, các ngành trong tỉnh gắn việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội với triển khai, thực hiện đề án bảo vệ môi trường (theo Nghị quyết số 25/2001/NQ-HĐND ngày 22/01/2001 của HĐND tỉnh), chương trình bảo vệ môi trường (trong 12 chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng giai đoạn 2001 - 2005 của UBND tỉnh) và các kế hoạch hành động của UBND tỉnh về bảo vệ môi trường đến năm 2005 (như bảo vệ nguồn nước sông Đồng Nai; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường,...).

Công tác quản lý Nhà nước về môi trường luôn được tăng cường về nhiều mặt. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường được chú trọng, nhất là quy hoạch hệ thống bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt, quy hoạch khu xử lý chất thải công nghiệp và đô thị. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về môi trường được quan tâm nhiều hơn.

Trong thời gian qua, đã hình thành được hệ thống tổ chức làm công tác bảo vệ môi trường từ tỉnh đến cơ sở; thành lập quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh; tăng cường một bước năng lực về quan trắc môi trường nhằm theo dõi, dự báo những diễn biến môi trường; thực hiện chặt chẽ quy định về đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư; thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường; hình thành cơ chế phối hợp giữa ngành tài nguyên và môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc thực hiện công tác truyền thông môi trường, tạo nên những bước phát triển mới trong hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Những tiến bộ nêu trên đã góp phần hạn chế được mức độ gia tăng ô nhiễm và từng bước cải thiện chất lượng môi trường ở một số khu vực trọng điểm. Môi trường tại các khu công nghiệp được quan tâm nhiều hơn, một số doanh nghiệp đã đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng các công trình xử lý chất thải (đến nay đã có 8 khu công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải, trong đó đã có 3 hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định).

Môi trường đô thị được cải thiện đáng kể, tình hình ô nhiễm không khí tại một số khu vực có giảm so với những năm trước. Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại thành phố Biên Hòa và các đô thị trong tỉnh đã và đang từng bước được triển khai xây dựng nhằm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại đô thị.

Môi trường nông thôn được chú trọng đầu tư. Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn được thực hiện có kết quả. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 87,5%; số hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 48%; số hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 38%; chương trình IPM được triển khai và nhân rộng, từng bước hạn chế được dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong môi trường.

Tình hình phá rừng, cháy rừng được hạn chế. Diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu được giữ ổn định; các hệ sinh thái rừng dần được tái sinh, phục hồi và phát triển, tăng diện tích rừng trồng mới, nâng cao độ che phủ trên địa bàn tỉnh (độ che phủ trên toàn tỉnh đạt 45,8%, trong đó độ che phủ cây rừng chiếm 27,1%, độ che phủ cây lâu năm và cây ăn trái chiếm 18,7%).

Tuy nhiên, công tác bảo vệ môi trường còn nhiều tồn tại, bất cập. Những vấn đề bức xúc về môi trường như: thu gom và xử lý nước thải tại các đô thị và khu công nghiệp; thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại chưa được giải quyết triệt để. Việc triển khai thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, chưa gắn kết giữa quy hoạch môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về môi trường chưa nghiêm.

Những tồn tại và yếu kém trong công tác bảo vệ môi trường do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là do nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường chưa đầy đủ; ý thức tự giác bảo vệ môi trường trong cộng đồng chưa cao nên các hành vi gây ô nhiễm môi trường còn khá phổ biến; hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, hoàn chỉnh; sự phối hợp giữa các cơ quan làm nhiệm vụ bảo vệ môi trường với các ngành, địa phương chưa chặt chẽ; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật về môi trường chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực quản lý môi trường và kiểm soát ô nhiễm còn một số bất cập.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 20/02/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; UBND tỉnh xây dựng Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2006 - 2010 gồm những nội dung như sau:

I. Mục tiêu.

1. Mục tiêu chung.

Thực hiện mục tiêu tổng quát giai đoạn 5 năm (2006 – 2010) của Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII là: “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại”; công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2006 - 2010 cần đạt được những mục tiêu sau đây:

a) Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường; giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại các khu công nghiệp, khu đô thị trong tỉnh;

b) Từng bước cải thiện chất lượng môi trường; đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng về môi trường; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động quản lý chất thải;

c) Xây dựng tỉnh Đồng Nai thành một tỉnh phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường; bảo đảm môi trường sống có chất lượng tốt theo chuẩn mực do Nhà nước quy định.

2. Mục tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm (2006 - 2010).

- 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Phân đấu 50% hộ gia đình, 100% doanh nghiệp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, 80% khu vực công cộng có thùng chứa chất thải rắn.

- 30-40% các khu đô thị, 70% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom 90% chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và dịch vụ; thu gom và xử lý 70-80% các loại rác thải sinh hoạt đô thị; thu gom và xử lý trên 60% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế.

- Cơ bản hoàn thành việc cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa và nước thải ở các đô thị và khu công nghiệp.

- Cải tạo 50% các kênh mương, đoạn sông, suối chảy qua các đô thị đã bị ô nhiễm nặng.

- Trên 95% dân số được sử dụng nước sạch; 100% trung tâm các huyện có hệ thống cấp nước tập trung; tiêu chuẩn cấp nước 120-150lít/người/ngàyđêm.

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh trong khuôn viên nhà máy theo qui định.

- Đảm bảo phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với diện tích và mật độ dân số nông thôn, đô thị.

- Nâng cao chất lượng và tỷ lệ đất có độ che phủ trên toàn tỉnh đạt 50%, trong đó độ che phủ cây rừng đạt 30%, cây lâu năm 20%, đặc biệt chú trọng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.

- Duy trì và phát triển rừng phòng hộ ngập mặn Long Thành - Nhơn Trạch, khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu và Vườn Quốc gia Cát Tiên.

II. Nhiệm vụ cụ thể giai đoạn 2006 - 2010.

1. Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đến môi trường.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường ngay từ khâu giới thiệu địa điểm đầu tư, xem xét phê duyệt các quy hoạch, dự án nhất là đối với các khu công nghiệp tập trung theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật của Chính phủ và các Bộ, ngành; hạn chế việc cấp phép và tiến tới cấm hoàn toàn việc xây dựng mới các công trình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có tác động lớn hoặc tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm cao đối với môi trường. Tuân thủ nghiêm các quy định về lập, thẩm định, và xây dựng cơ chế hoạt động kiểm tra sau đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành đô thị mới Nhơn Trạch và mạng lưới các đô thị công nghiệp trong tỉnh theo quy hoạch được duyệt nhằm giảm áp lực về dân số, giao thông, môi trường tại thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các thị trấn và các khu công nghiệp. Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ việc gia tăng dân số cơ học. Tập trung bảo vệ môi trường ở những khu vực trọng điểm về phát triển đô thị và công nghiệp trong tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch định kỳ và đột xuất hàng năm về kiểm soát ô nhiễm để ngăn chặn, xử lý kịp thời các nguồn gây ô nhiễm và suy thoái môi trường. Thực hiện quy định bảo vệ môi trường trong việc nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng; tăng cường kiểm tra giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo Quyết định 12/2006/QĐ.BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát kinh doanh sử dụng hóa chất có mức độ độc hại cao trong sản xuất và thương mại, thuốc bảo vệ thực vật và phân bón trong hoạt động nông nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, đô thị.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất theo hướng áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, ít chất thải; khuyến khích đầu tư tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng. Áp dụng nghiêm ngặt hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về môi trường; khuyến khích áp dụng các hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000.

- Tuân thủ thực hiện Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, được ban hành kèm theo

Quyết định số 50/2006/QĐ.UBND ngày 08/6/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động quản lý chất thải, đặc biệt đối với chất thải rắn theo Chỉ thị số 23/2005/CT.TTg ngày 21/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quản lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BKHHCNMT-BXD ngày 18/01/2001 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng về hướng dẫn các qui định về bảo vệ môi trường đối với việc lựa chọn địa điểm xây dựng và vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn. Tăng cường công tác quản lý chất thải nguy hại từ các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, y tế thông qua việc đăng ký quản lý chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải, cấp phép thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tiêu hủy; kể cả tiêu hủy gia cầm bị dịch bệnh.

- Quan trắc các thành phần môi trường đất, nước, không khí, thủy sinh định kỳ trên địa bàn tỉnh để đánh giá diễn biến, dự báo và quy hoạch môi trường, đặc biệt chú trọng quan trắc chất lượng nước sông Đồng Nai, sông La Ngà và sông Thị Vải, hồ Trị An, các khu công nghiệp và các đô thị trong tỉnh.

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng công sở, xí nghiệp, ấp, khu phố sạch và xanh; kết hợp với việc tăng cường phát hiện, xử phạt nghiêm các tổ chức, cá nhân xả thải các chất gây ô nhiễm môi trường ra công cộng.

- Tổ chức tốt thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải, trước mắt là nước thải theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ.

- Xử lý triệt để 8 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thủ tục đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đủ điều kiện rút ra khỏi danh sách theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg; xác định các cơ sở mới gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để đưa vào danh sách báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chính phủ.

- Triển khai thực hiện quyết định số 7480/QĐ-UBND ngày 26/7/2006 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

2. Khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường

- Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, thị xã Long Khánh và các đô thị, các khu công nghiệp tập trung; các làng nghề tại thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom, ô nhiễm môi trường bụi, tiếng ồn do hoạt động khai thác khoáng sản tại Tp. Biên Hòa và các huyện trong tỉnh.

- Đến năm 2010, di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường tại thành phố Biên Hòa. Kiên quyết bắt buộc các cơ sở khai thác khoáng sản trong tỉnh phải phục hồi môi trường sau khi kết thúc quá trình khai thác theo đúng phương án được duyệt.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, có kế hoạch khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường do chất độc hóa học sử dụng trong chiến tranh Việt Nam ở Đồng Nai.

- Tổ chức ứng cứu khi xảy ra sự cố môi trường đặc biệt trên sông Đồng Nai và khắc phục nhanh hậu quả ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra. Xây dựng năng lực ứng cứu sự cố tràn dầu; đẩy mạnh công tác phòng chống sự cố môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Bảo vệ và khai thác hợp lý, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Nghiên cứu biện pháp quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn lợi và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững hồ Trị An, trên sông Đồng Nai. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định quản lý tổng hợp hồ Trị An và các hồ chính trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp theo hướng bảo đảm cân bằng sinh thái, nâng cao chất lượng đất, giảm diện tích đất thoái hóa, bạc màu và tiến tới một nền nông nghiệp bền vững.

- Phối hợp với các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Đồng Nai thực hiện chương trình bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; phối hợp với các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh xây dựng đề án bảo vệ môi trường sông Thị Vải do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra thống kê các nguồn xả thải vào sông Đồng Nai và sông Thị Vải - kể cả hồ Trị An và các hồ chứa lớn trong tỉnh để có giải pháp xử lý triệt để.

4. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng và tỷ lệ đất che phủ, nhất là độ che phủ của cây rừng. Giữ ổn định diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu, rừng đang tái sinh phục hồi, đánh giá, giám sát quá trình phục hồi rừng; phát triển rừng trồng mới phủ xanh đất trống đồi trọc.

- Kiểm soát chặt chẽ việc săn bắt, khai thác và buôn bán động, thực vật quý hiếm, loại bỏ phương thức khai thác hủy diệt nhất là trong khai thác thủy sản.

- Đẩy mạnh hoạt động bảo tồn tính đa dạng sinh học của rừng phòng hộ ngập mặn Long Thành - Nhơn Trạch, rừng phòng hộ Biên Hòa, khu dự trữ thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu, Vườn Quốc gia Cát Tiên.

- Giáo dục tuyên truyền bảo vệ vùng đất ngập nước Bàu Sấu theo công ước Ramsar.

5. Bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm:

a) Các đô thị và khu công nghiệp:

- Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị và các khu công nghiệp thuộc địa bàn Thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, thị xã Long Khánh và các huyện trong tỉnh; cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa và nước thải ở các đô thị và khu công nghiệp; cải tạo các kênh mương, đoạn sông, suối chảy qua các đô thị đã bị ô nhiễm nặng; đầu tư phát triển hệ thống cấp nước đô thị, tập trung mở rộng quy mô và đầu tư mới các nhà máy cấp nước đáp ứng nhu cầu nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt; quy hoạch và phát triển hệ thống công viên cây xanh ở các đô thị trên địa bàn.

- Cải tiến và nâng cấp hệ thống giao thông, giảm thiểu khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông; hoàn chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến 2010 có tầm nhìn đến 2020; xây dựng mạng lưới vận tải hành khách công cộng khu vực Biên Hòa và các khu công nghiệp theo quy hoạch đến 2020, các trạm dừng cho phương tiện giao thông đường bộ trên các tuyến cố định hoạt động trên các quốc lộ và tỉnh lộ thuộc địa bàn tỉnh.

- Triển khai xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp địa phương đã được quy hoạch; tổ chức di dời đối với các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp (chế biến gỗ, gạch) gây ô nhiễm vào các cụm công nghiệp địa phương, bảo đảm cho sản xuất phát triển, giữ vững nghề truyền thống và bảo vệ môi trường.

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn và tổ chức hệ thống thu gom, chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp nguy hại, không nguy hại và dịch vụ; củng cố và duy trì các dịch vụ công cộng, nâng cao hiệu quả dịch vụ như dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt công cộng, vệ sinh đường phố, khóm ấp.

- Xây dựng đội chuyên trách về thu gom, vận chuyển chất thải y tế của các bệnh viện, trung tâm y tế và các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thành phố Biên Hòa và nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh để thực hiện xã hội hóa việc xử lý chất thải y tế đảm bảo về môi trường;

- Thực hiện đầy đủ quy chế hoạt động bảo vệ môi trường đối với các khu công nghiệp theo Quyết định số 62/2002/QĐ.BKHCNMT của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng hệ thống

thoát nước mưa và xử lý nước thải ở các khu công nghiệp; các khu công nghiệp và doanh nghiệp trong khu công nghiệp duy trì và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định; đảm bảo diện tích cây xanh theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện các hệ thống xử lý nước thải bệnh viện, hệ thống xử lý khí thải các lò đốt chất thải y tế đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định; xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành.

- Rà soát, thống kê và thống nhất phương án xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường tại khu đô thị và khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh.

b) Nông thôn và làng nghề:

- Tiếp tục thực hiện chương trình quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, tăng tỷ lệ về số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh bằng hình thức đa dạng hóa các loại hình cấp nước, xã hội hóa việc cung cấp nước sạch; tăng tỷ lệ về số hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh; số hộ có chuồng trại hợp vệ sinh.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học; hạn chế việc sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác khuyến nông, huấn luyện kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp nhằm hạn chế dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong đất; khuyến cáo, truyền thông về tác hại của chúng; thường xuyên tập huấn và duy trì áp dụng IPM vào sản xuất nông nghiệp, sản xuất rau an toàn.

- Chú trọng bảo vệ môi trường tại các làng nghề và các biện pháp cải tiến công nghệ, xây dựng hệ thống xử lý các loại chất thải.

- Hạn chế không phát triển chăn nuôi và tiến tới di dời toàn bộ các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm ra khỏi nội ô thành phố, khu vực đô thị.

III. Các giải pháp chủ yếu.

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Tổ chức phổ biến rộng rãi Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 20/02/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW, các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh thực hiện Chương

trình hành động số 05-CTr/TU đến các đoàn thể, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nhằm quán triệt sâu sắc và nhận thức đầy đủ hơn về nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Tăng cường năng lực của cán bộ tuyên truyền pháp luật về môi trường trong các tổ chức, đoàn thể của tỉnh; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng; phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững nhằm xây dựng nếp sống và hành vi thân thiện với môi trường.

Đa dạng hóa các phương thức nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho cộng đồng; phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường; ý thức tự giác việc thực hiện các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tăng cường tổ chức thực hiện đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân” theo Quyết định số 1363/QĐ.TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai tại Quyết định số 6621/QĐ-BGD&ĐT-KHCN ngày 30/12/2002 về việc phê duyệt “Chính sách và chương trình hành động Giáo dục môi trường trong trường phổ thông giai đoạn 2001- 2010”.

Xây dựng và áp dụng các tiêu chí về môi trường trong công tác thi đua khen thưởng; công bố công khai các thành tích bảo vệ môi trường nhằm tạo dư luận xã hội, đồng thời lên án nghiêm khắc đối với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Xây dựng các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm cụ thể hóa Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và các văn bản dưới luật trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung cụ thể của chương trình đến các ngành, các cấp, các đoàn thể; phân công chủ trì, phối hợp đồng bộ để cụ thể hóa đầy đủ, chi tiết vào kế hoạch hàng năm; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý chất thải theo đúng qui định; tăng cường công tác giám sát, thanh, kiểm tra môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống khắc phục ô nhiễm và suy thoái môi trường. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh. Ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường.

Tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo hướng kết hợp quản lý từ tỉnh đến cấp huyện, thị xã, thành phố và phường, xã về năng lực, kinh phí và trang thiết bị. Xác định rõ trách nhiệm, phân công, phân cấp và duy trì sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, các cấp và các đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường.

Trong năm 2006, tiến hành điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tăng cường nguồn lực và áp dụng các biện pháp kinh tế trong công tác bảo vệ môi trường.

Đưa Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai vào hoạt động; thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương về thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải, ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; buộc bồi thường thiệt hại đối với những hành vi vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Áp dụng các chính sách, cơ chế hỗ trợ về vốn, khuyến khích về thuế đối với các hoạt động bảo vệ môi trường, nhất là các dự án đầu tư tái sử dụng chất thải, các doanh nghiệp hoạt động bảo vệ môi trường.

Tăng cường đa dạng hóa các nguồn đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ môi trường "đạt mức chi không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế", gồm các nội dung chi: xử lý các điểm ô nhiễm môi trường bức xúc tại địa phương, công tác quản lý chất thải, tăng cường năng lực quản lý môi trường, phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường, nhất là xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại; cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị. Cân đối, bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư các dự án về bảo vệ môi trường.

4. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Đảm bảo đầy đủ các yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch bảo vệ môi trường và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các ngành, các cấp trong tỉnh, trong đó chú trọng lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào nội dung phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tăng cường năng lực nghiên cứu phát triển công nghệ về bảo vệ môi trường và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư về bảo vệ môi trường.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về môi trường; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ môi trường.

Tổ chức xây dựng và thực hiện 8 dự án đầu tư về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010 (*Đính kèm phụ lục*), như: Bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai thuộc địa bàn tỉnh; Ứng cứu sự cố môi trường, nhất là sự cố tràn dầu và hóa chất nguy hại; Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp, kể cả chất thải nguy hại, chất thải y tế; Thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải đô thị; Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Nâng cao năng lực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; Tăng cường năng lực quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường.

Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ nhằm ngăn chặn, hạn chế và xử lý ô nhiễm môi trường các khu công nghiệp, khu đô thị và bảo vệ nguồn nước lưu vực sông Đồng Nai.

Đề xuất với các Bộ, ngành liên quan xây dựng đề án hạn chế và giảm dần các hóa chất độc hại, các bao bì làm từ các loại vật liệu khó phân hủy trong công nghiệp, thay thế bằng các vật liệu thân thiện với môi trường.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Nai, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng các cấp trong các hoạt động bảo vệ môi trường nhằm tuyên truyền, vận động các thành viên, đoàn viên, hội viên tham gia bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

Huy động và phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, của toàn dân cùng tham gia công tác bảo vệ môi trường. Thành lập doanh nghiệp công ích làm nòng cốt trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, kể cả chất thải nguy hại phát sinh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Phổ biến, nhân rộng các mô hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường; xác định trách nhiệm bảo vệ môi trường của cá nhân, tổ chức và cộng đồng, đồng thời đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Xây dựng và thực hiện hương ước về bảo vệ môi trường tại địa phương khu phố, xóm, ấp; xây dựng và tổ chức đội thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích tham gia bảo vệ môi trường ở xã phường, thị trấn, thôn ấp, làm nòng cốt trong các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường tại địa bàn dân cư.

7. Tăng cường hợp tác về bảo vệ môi trường.

Tăng cường hợp tác trong nước về bảo vệ môi trường với các Bộ, Ngành Trung ương về các chương trình bảo vệ môi trường trong chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, với các tỉnh trong lưu vực sông Đồng Nai về đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai.

Tăng cường các hoạt động hợp tác với các tổ chức quốc tế để được hỗ trợ các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường.

8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường.

- Các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp UBND các cấp thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân xả thải các chất gây ô nhiễm môi trường ra công cộng; đặc biệt chú trọng thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản, thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản.

- UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp trong trường hợp thiếu trách nhiệm để xảy ra hậu quả nghiêm trọng trên địa bàn.

IV. Tổ chức thực hiện.

- Giao nhiệm vụ cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức triển khai thực hiện chương trình này.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của mình tổ chức quán triệt nội dung của chương trình bảo vệ môi trường, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ môi trường gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng năm và chỉ đạo việc thực hiện nhằm tạo cho được kết quả cụ thể và thiết thực về bảo vệ môi trường của ngành, địa phương mình. Hàng năm tổ chức đánh giá kết quả việc tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo

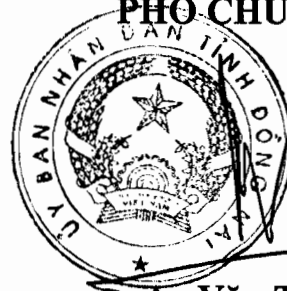
UBND tỉnh.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc phát sinh, Sở Tài nguyên và Môi trường kịp thời tổng hợp, báo cáo và đề xuất ý kiến với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý.

- Định kỳ hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai tổng hợp báo cáo kết quả triển khai chương trình này, báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(Đính kèm phụ lục Danh mục các dự án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006- 2010).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ao Văn Thịnh

DANH MỤC DỰ ÁN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2006-2010

ST T	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (ĐVT: triệu đồng)				
				2007	2008	2009	2010	2007- 2010
1	Dự án bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai thuộc địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ TNMT ; Sở TNMT các tỉnh, thành phố liên quan; Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Sở Thương mại - Du lịch và các Sở, ngành liên quan (Liên minh các HTX và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh,...); Ban Quản lý các KCN; UBND các huyện, Tp. Biên Hòa và thị xã Long Khánh.	9590	6000	6000	8410	30000
2	Dự án ứng cứu sự cố môi trường nhất là sự cố tràn dầu và hóa chất độc hại.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ; Cảng vụ, Công an Đồng Nai, Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh; Ban Quản lý các KCN; UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa; các đơn vị dịch vụ ứng cứu.	2000	2000	2000	2000	8000
3	Dự án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp, kể cả chất thải nguy hại.	Sở Xây dựng	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Y tế, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp, Sở Thương mại - Du lịch và các Sở, ngành liên quan; Ban Quản lý các KCN; UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa; Công ty Dịch vụ môi trường đô thị Biên Hòa, Công ty phát triển khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi), Liên minh các HTX và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.	500	2000	2000	2000	6500
4	Dự án thoát nước mua và thu gom và xử lý nước thải đô thị.	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Liên minh các HTX và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.	500	38000	38000	38000	114500

ST T	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (ĐVT: triệu đồng)				
				2007	2008	2009	2010	2007- 2010
5	Dự án Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các đoàn thể; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Liên minh các HTX và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.	500	5000	5000	7560	18060
6	Dự án nâng cao năng lực quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Ban Quản lý các KCN; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.	7377	10324	10627	14076	42404
7	Dự án tăng cường năng lực quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thương mại - Du lịch và các Sở, ngành liên quan; Ban Quản lý các KCN; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.	500	1000	1000	1000	3500
8	Dự án nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thương mại - Du lịch và các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các đoàn thể, Liên minh các HTX và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.; các cơ quan báo, đài.	1025	1500	1500	1500	5525
			Tổng cộng	21992	65824	66127	74546	228489

Ghi chú: - Kinh phí thực hiện đảm bảo tăng khoảng 10%/năm

(Cụ thể như sau : kinh phí năm 2007 là : 50 tỷ VNĐ, năm 2008 là 55 tỷ, 2009 là 60 tỷ, 2010 là 66 tỷ).

- Kinh phí năm 2007 đã được cấp